

CHƯƠNG TRÌNH

**Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII
về phát triển các cơ sở sơ chế, chế biến và tiêu thụ
ngành hàng nông sản đáp ứng chuỗi liên kết giá trị gia tăng
trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Nông lần thứ XII; Chương trình hành động số 04-CTr/TU, ngày 24/12/2020 của Tỉnh ủy về triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Nông lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình thực hiện như sau:

I. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN VÀ TIÊU THỤ NGÀNH HÀNG NÔNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Theo thống kê, trên địa bàn tỉnh hiện có 80/156 hợp tác xã sản xuất, dịch vụ nông nghiệp và 250 tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp hoạt động từ trung bình đến khá; 365 tổ chức/doanh nghiệp sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh nông sản thực phẩm thuộc cấp tỉnh quản lý. Trong đó: có 70 cơ sở sơ chế, chế biến và tiêu thụ ngành hàng nông sản, 08 cơ sở chế biến nông sản áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP; kim ngạch xuất khẩu nông sản năm 2020 của tỉnh đạt 724 triệu USD; hình thành được 23 chuỗi liên kết được cấp chứng nhận thực hành sản xuất tốt trong nước và quốc tế với sự tham gia liên kết của 13 doanh nghiệp và 10 hợp tác xã, tổ hợp tác; trong đó: có 8 chuỗi liên kết sản xuất hoàn chỉnh theo mô hình chuỗi giá trị (*sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm*), 15 loại sản phẩm nông nghiệp của tỉnh đã được đăng ký và cấp nhãn hiệu hàng hóa, nhãn hiệu tập thể để bảo hộ. Qua đánh giá cho thấy, trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển sản xuất theo liên kết chuỗi trên địa bàn tỉnh về cơ bản đã triển khai khá đồng bộ các giải pháp từ chủ trương định hướng, xây dựng kế hoạch, cơ chế chính sách và bố trí nguồn lực để thực hiện, đặc biệt đã được Tỉnh ủy quan tâm lãnh đạo thông qua các nghị quyết, chương trình, kết luận về xây dựng nông thôn mới, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giảm nghèo bền vững, phát triển nông nghiệp bền vững theo chuỗi liên kết. Thông qua việc thực hiện các chính sách hỗ trợ và thu hút đầu tư, cùng với sự tác động của thị trường nông sản, các liên kết và liên kết theo chuỗi giá trị nông sản trong những năm gần đây đã dần được hình thành và phát triển cả về số lượng và quy mô. Tuy nhiên, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia sơ chế, chế biến và tiêu thụ nông sản phần lớn có quy mô nhỏ, năng lực tài chính, nhân lực còn thấp, thiếu kinh nghiệm về khai thác thị trường đầu ra cho sản phẩm, công nghệ chế biến còn hạn chế, quy mô nhỏ; chưa có nhiều sản phẩm nông nghiệp được đăng ký nhãn hiệu, cấp chứng nhận theo các tiêu chuẩn quản lý chất lượng

trong nước, cũng như quốc tế; chưa tạo được sự gắn kết bền vững với thị trường đầu ra, sản phẩm sản xuất phải tiêu thụ qua nhiều khâu trung gian, thiếu đối tác bền vững. Mặt khác, các chủ trương của Tỉnh ủy, đầu tư của Nhà nước trong những năm qua phần lớn tập trung nhiều cho khâu sản xuất; đối với khâu chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm vẫn chưa được chú trọng.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Quan điểm

- Thực hiện hiệu quả Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 06/09/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, định hướng đến năm 2035.

- Tổ chức sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, tiềm năng, đặc trưng, đặc sản của tỉnh theo liên kết chuỗi, an toàn, bền vững gắn với đầu tư nâng cao năng lực và phát triển các cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản, tiêu thụ nông sản đảm bảo an toàn thực phẩm và gia tăng giá trị.

- Phát triển các sản phẩm nông nghiệp tiềm năng, đặc trưng, đặc sản trên cơ sở phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh và thích ứng với biến đổi khí hậu đáp ứng tính liên kết chuỗi, gia tăng giá trị; bảo đảm an toàn dịch bệnh, môi trường và an toàn thực phẩm để đáp ứng nhu cầu thị trường, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân.

- Phát triển các cơ sở sơ chế, chế biến nông sản theo hướng ứng dụng công nghệ cao, tiên tiến, chuyên sâu, có đủ năng lực, sức cạnh tranh, đáp ứng các yêu cầu của thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

- Đa dạng hóa các hoạt động xúc tiến thương mại, giới thiệu các sản phẩm có thế mạnh của tỉnh, đặc biệt là các sản phẩm OCOP; đồng thời hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, nắm bắt cơ hội đầu tư, tìm hiểu đối tác, liên doanh liên kết, chuyển giao công nghệ, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

- Phát triển và hình thành được hệ thống các cơ sở chế biến, tiêu thụ có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao, tiên tiến, có tính chuyên sâu, đa dạng hóa sản phẩm, uy tín, chất lượng, có đủ năng lực, sức cạnh tranh, đáp ứng các yêu cầu của thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

- Xây dựng, hình thành các vùng chuyên canh/các chuỗi liên kết sản xuất sản phẩm nông nghiệp chủ lực, tiềm năng, đặc sản có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, ứng

dụng công nghệ cao tạo nguồn nguyên liệu có chất lượng, an toàn, bền vững cho hoạt động chế biến.

- Tạo kênh phân phối và là điểm đến có uy tín, đảm bảo chất lượng cho người tiêu dùng; đồng thời là cầu nối giữa người nông dân, doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất trong tỉnh với các doanh nghiệp, nhà phân phối, đại lý bao tiêu bán sản phẩm ra thị trường trong nước và nước ngoài.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025, thu hút, hỗ trợ đầu tư phát triển mới từ 3-4 nhà máy, cơ sở chế biến nông sản lớn theo hướng chuyên sâu, áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại; 10 doanh nghiệp trở lên đầu tư vào lĩnh vực chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản và hỗ trợ nâng cấp, ứng dụng công nghệ cho ít nhất 50% số cơ sở sơ chế, chế biến và bảo quản nông sản hiện có, trong đó ưu tiên cho các cơ sở, doanh nghiệp sơ chế, chế biến các loại nông sản chủ lực, đặc sản; sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, có thị trường tiêu thụ rộng (cà phê, hạt điều, tiêu, hoa quả, cao su...).

- Phân đầu đến năm 2025 xây dựng, phát triển ít nhất 15 chuỗi liên kết và hoàn thiện 100% chuỗi liên kết sản xuất hiện có gắn với các cơ sở chế biến, tiêu thụ.

- Đến năm 2025 mỗi nhóm sản phẩm nông - lâm - thủy sản chủ lực và tiềm năng của tỉnh có đăng ký sử dụng mã số, mã vạch, thẻ, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm tăng 50% trở lên.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường thông tin tuyên truyền về công tác liên kết sản xuất, sơ chế, chế biến và tiêu thụ nông sản theo chuỗi

Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền về ý nghĩa, mục đích, tầm quan trọng của công tác liên kết sản xuất, sơ chế, chế biến và tiêu thụ nông sản theo chuỗi đối với sự phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung, có trọng tâm, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ tổ chức thực hiện, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, thái độ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là vai trò của người đứng đầu đối với người dân, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp.

2. Tổ chức sản xuất nguyên liệu, phát triển các chuỗi liên kết sản xuất - chế biến và tiêu thụ nông sản

- Gắn kết chế biến với chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia, nhóm sản phẩm chủ lực của tỉnh và nhóm sản phẩm là chủ lực, đặc sản của từng địa phương.

- Phát triển các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản; lựa chọn các doanh nghiệp lớn có đủ năng lực về vốn, khoa học công nghệ và thị trường để dẫn dắt chuỗi giá trị, vận hành một cách thông suốt, hiệu quả.

3. Khuyến khích đầu tư chế biến nông sản, chuyển dịch cơ cấu sản phẩm

- Định hướng và kêu gọi đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại hàng nông sản và hệ thống cửa hàng OCOP cấp huyện để giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ nông sản chủ lực của địa phương.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách khuyến khích đầu tư vào chế biến, bảo quản nông sản đã ban hành: Luật số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017 về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư công nghệ tiên tiến, có tính tiên phong về công nghệ chế biến, bảo quản nông sản và tạo ra sản phẩm mới, công nghệ hiện đại, chế biến sâu nông sản hàng hóa, tạo giá trị gia tăng cao, chuyển dịch cơ cấu sản phẩm phù hợp nhu cầu thị trường và định hướng chung, các dự án đầu tư có quy mô lớn, mang tính chất dẫn dắt thị trường, tạo ra sản phẩm xuất khẩu, là trung tâm kết nối theo chuỗi giá trị sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản, trưng bày giới thiệu sản phẩm nông sản đặc trưng.

4. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ chế biến, bảo quản nông sản

- Đẩy nhanh việc ứng dụng thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 vào quá trình sản xuất, chế biến nông sản: Tích hợp công nghệ thông tin và tự động hóa vào công nghiệp chế biến nông sản nhằm tạo ra các dây chuyền tự động hóa tại các nhà máy sản xuất liên kết với nguồn cung cấp nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm.

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại, chế biến sâu nông sản hàng hóa, tạo giá trị gia tăng cao, chuyển dịch cơ cấu sản phẩm phù hợp nhu cầu thị trường với định hướng chung.

- Khuyến khích các doanh nghiệp hợp tác cơ quan nghiên cứu khoa học, trong việc nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng công nghệ hiện đại chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp, tạo ra các sản phẩm có giá trị cao.

5. Nâng cao chất lượng sản phẩm và đảm bảo an toàn thực phẩm

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chất lượng sản phẩm nông lâm thủy sản từ khâu sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, đảm bảo an toàn thực phẩm, xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm theo đúng quy định pháp luật.

- Xây dựng, áp dụng hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia, truy xuất nguồn gốc cho các ngành hàng nông sản; áp dụng công nghệ tin học, tự động kết nối điện thoại thông minh, xây dựng các phần mềm truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản, tăng niềm tin của người tiêu dùng và trách nhiệm, uy tín nhà sản xuất.

- Áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến của thế giới như HACCP, ISO 22000 trong tất cả các cơ sở chế biến nông sản, nhất là các cơ sở chế biến xuất khẩu để đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.

6. Đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, xúc tiến thương mại

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại, tăng cường tổ chức, tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước.

- Tiếp tục hỗ trợ phát triển hệ thống cửa hàng OCOP để làm cầu nối cho mối liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp và thị trường tiêu thụ sản phẩm; tăng cường thông tin, tuyên truyền cho người tiêu dùng nhận biết, tiêu dùng các sản phẩm nông lâm thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo và thông tin thị trường trong nước và trên thế giới về thị phần, thị hiếu, giá cả, các tiêu chuẩn sản phẩm... để định hướng phát triển thị trường cho các sản phẩm nông sản.

7. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Tổ chức đào tạo, nâng cao trình độ về quản lý nhà nước, khoa học công nghệ, ngoại ngữ và kỹ năng thương mại quốc tế cho đội ngũ cán bộ công tác trong lĩnh vực sơ chế, chế biến, bảo quản và phát triển thị trường nông sản; nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề đáp ứng yêu cầu vận hành công nghệ thiết bị tiên tiến, hiện đại thông qua các khóa học của các tổ chức trong và ngoài nước.

- Đào tạo nâng cao trình độ của người sản xuất kinh doanh, sơ chế, chế biến, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và kiến thức thị trường.

8. Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách

- Vận dụng các cơ chế, chính sách của tỉnh và Trung ương để hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân thực hiện sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) đối với nhóm trái cây và các loại rau, củ, quả. Đối với ngành hàng cà phê sản xuất theo bộ tiêu chuẩn 4C, UTZ, Certified, Feirtrade, Organic... để chuẩn hóa về mặt chất lượng làm cơ sở xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, đặc biệt các mặt hàng chế biến đã ban hành, tham mưu đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách mới phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu trong tình hình hiện nay.

- Tăng cường tiếp cận thông tin và công tác cảnh báo sớm về các rào cản: thương mại của các nước nhập khẩu; thực hiện các biện pháp phòng vệ thương mại, đồng thời nắm bắt các quy định quốc tế về chỉ dẫn địa lý, nguồn gốc xuất xứ, đăng ký quyền Sở hữu trí tuệ như: nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, sáng chế, quyền giống cây trồng,... để bảo vệ doanh nghiệp và sản phẩm của Việt Nam trong thương mại quốc tế.

9. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

- Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các đơn vị quản lý công tác chế biến và phát triển thị trường nông sản theo quy định của Trung ương và tỉnh.

- Nghiên cứu xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý lĩnh vực sơ chế, chế biến, bảo quản nông sản, gắn bó chặt chẽ với sản xuất nông nghiệp trong việc đảm bảo nguyên liệu cho chế biến và quyền lợi của nông dân.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy Đảng, Ban cán sự đảng, đảng đoàn, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt Chương trình đến cán bộ, đảng viên và nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ để cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện bảo đảm hiệu quả, thiết thực, phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương, đơn vị; thường xuyên theo dõi việc tổ chức thực hiện, tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện ở cơ sở.

2. Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể hóa việc triển khai thực hiện Chương trình; đồng thời, chỉ đạo các cấp, các ngành theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu Chương trình đã đề ra; định kỳ tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ, tổng kết việc thực hiện.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo các phương tiện thông tin đại chúng tổ chức tuyên truyền sâu rộng Chương trình; tham mưu tổ chức việc quán triệt Chương trình hành động ở cấp tỉnh và hướng dẫn việc tổ chức quán triệt ở các cấp.

4. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Chương trình trong cán bộ, đảng viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân; theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng chương trình, kế hoạch phối hợp triển khai thực hiện phù hợp.

5. Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các ban đảng Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình, báo cáo kết quả thực hiện về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng,
 - Ban Kinh tế Trung ương,
 - Vụ Địa phương II, VPTW Đảng
- tại Tp. Hồ Chí Minh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
 - Các ban đảng, ban cán sự đảng,
 - đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
 - Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh,
 - Các huyện ủy, thành ủy,
 - Các sở, ban, ngành liên quan,
 - Lưu Văn phòng Tỉnh ủy (TH).

(b/c)

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Lưu Văn Trung